

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI TRONG "HỆ TƯ TƯỞNG ĐỨC"

LÊ THỊ THANH HÀ (*)

Trong *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã luận chứng một cách khoa học những vấn đề triết học về con người. Các ông cho rằng, cần phải bắt đầu từ những con người hiện thực, cụ thể; rằng, hoạt động sản xuất là điều kiện nền tảng cho sự tồn tại, phát triển của con người. Với tính cách một thực thể sinh học - xã hội, có ý thức và năng lực sáng tạo, con người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của quá trình phát triển lịch sử. Con người là lực lượng sáng tạo nên lịch sử. Những nhu cầu của con người trở thành động lực thúc đẩy tiến bộ xã hội. Với những quan niệm như vậy, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đặt nền móng vững chắc cho việc nghiên cứu, nhận thức triết học về con người và con đường để hoàn thiện bản chất người.

Hệ tư tưởng Đức là một trong những tác phẩm đánh dấu sự trưởng thành của chủ nghĩa Mác. Trong tác phẩm này, những vấn đề triết học về con người đã được C.Mác và Ph.Ăngghen đề cập và giải quyết trên lập trường duy vật biện chứng triệt để.

Chúng ta đều biết rằng, những vấn đề liên quan đến con người là những vấn đề đã được đề cập từ lâu và được các nhà triết học thuộc nhiều trường phái khác nhau tìm cách giải quyết.

Khắc phục tất cả những thiếu sót, cũng như tiếp thu, kế thừa những điểm hợp lý của những nhà triết học đi trước trong vấn đề triết học về con người, trong *Hệ tư tưởng Đức*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã xuất phát từ con người hiện thực, từ cá nhân đang hoạt động thực tiễn để nghiên cứu về con người. Đó là con người, cá nhân sống trong một thời đại nhất định, với các điều kiện tự nhiên, những mối quan hệ phức tạp và ngày càng phong phú cùng với sự phát triển của nền văn minh nhân loại. Các ông viết: "Hoàn toàn trái với triết học Đức là triết học từ trên trời đi xuống đất, ở đây chúng ta từ dưới đất đi lên trời, tức là chúng ta không xuất phát từ những điều mà con người nói, tưởng tượng, hình dung, chúng ta cũng không xuất phát từ những con người chỉ tồn tại trong lời nói, trong ý nghĩ, trong tưởng tượng, trong biểu tượng của người khác, để từ đó mà đi tới những con người bằng xương bằng thịt; không,

chúng ta xuất phát từ những con người đang hành động, hiện thực và chính là cũng xuất phát từ quá trình đời sống hiện thực của họ mà chúng ta mô tả sự phát triển của những phản ánh tư tưởng và tiếng vang tư tưởng của quá trình đời sống ấy. Ngay cả những ảo tưởng hình thành trong đầu óc con người cũng là những vật thăng hoa tất yếu của quá trình đời sống vật chất của họ, một quá trình có thể xác định được bằng kinh nghiệm và gắn liền với những tiền đề vật chất"(1).

Theo C.Mác và Ph.Ăngghen, quá trình sản xuất ra đời sống vật chất cũng làm nảy sinh ra sự sản xuất đời sống tinh thần của con người. Ý thức, tinh thần của con người suy cho cùng chỉ là phản ánh đời sống hiện thực của họ (tức phản ánh đời sống vật chất của họ). Các ông cho rằng, "chính con người là kẻ sản xuất ra những ý niệm, ý thức, v.v. của mình, song đây là những con người hiện thực, đang hành động, đúng như họ bị quy định bởi một sự phát triển nhất định của những lực lượng sản xuất của họ và bởi sự giao tiếp phù hợp với sự phát triển ấy, kể cả những hình thức rộng rãi nhất của những sự giao tiếp đó. Ý thức không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức, và tồn tại của con

(*) Viện Kinh điển mácxít, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.37 - 38.

người là quá trình đời sống hiện thực của con người"(2).

Như vậy, có thể nói, khi xuất phát từ tiền đề con người hiện thực, C.Mác và Ph.Ăngghen không những đã giải quyết triệt để vấn đề cơ bản của triết học - vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức, mà các ông còn khẳng định vai trò của con người trong tiến trình lịch sử - vai trò chủ thể sáng tạo lịch sử. Chân lý này tưởng như đơn giản, nhưng tất cả các trường phái triết học trước Mác đều không giải quyết triệt để.

Con người hiện thực mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề cập là con người hoạt động, sản xuất ra của cải vật chất trong những giới hạn tiền đề và điều kiện vật chất nhất định. Nói cách khác, con người hiện thực hoạt động sản xuất ra đời sống của họ trong giới hạn của sự phát triển nhất định của lực lượng sản xuất và các quan hệ sản xuất phù hợp với sự phát triển ấy.

Sau khi khẳng định tiền đề xuất phát để nghiên cứu con người, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chứng minh đời sống hiện thực của con người. Theo các ông, đầu tiên là con người phải có khả năng sống, sau đó mới có thể làm ra mọi sản phẩm vật chất và tinh thần. "Nhưng muốn sống được thì trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa"(3). Vì vậy, con người phải tham gia vào sản xuất ra những thứ đó. Quá trình sản xuất hay quá trình lao động ra của cải vật chất đáp ứng nhu cầu tối thiểu đầu tiên của con người đã giúp con người trở thành "*Người*" theo đúng nghĩa của nó. Nhờ lao động, con người đã sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình và đó là điểm khác biệt giữa con người và con vật. C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ rằng, "bản thân con người bắt đầu bằng tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu *sản xuất ra* những tư liệu sinh hoạt của mình"(4). Trong quá trình đó, con người làm ra lịch sử - xã hội của chính mình.

Trong quá trình sản xuất, trước hết con người phải trao đổi chất với tự nhiên, khai thác những sản phẩm có trong tự nhiên

phục vụ cho nhu cầu tối thiểu của mình. Sau đó, con người tác động vào tự nhiên không chỉ để khai thác nó, mà còn làm biến đổi bộ mặt của nó, "sản xuất", "chế tạo" thêm những cái mà nó không có. Trong quá trình đó, con người tạo ra một thiên nhiên thứ hai như là tác phẩm nghệ thuật của chính mình. Đó là quá trình biến tự nhiên thuần túy thành tự nhiên - xã hội.

Trong quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen, con người là một thực thể nhu cầu. Vì vậy, khi nhu cầu tối thiểu được đáp ứng, trước sự vận động của thực tại và do tác động của hoàn cảnh, ở cá nhân con người lại xuất hiện những nhu cầu mới. Nhu cầu này được thực hiện lại xuất hiện những nhu cầu khác cao hơn, tạo cho con người những khả năng sáng tạo hơn để tiếp tục thoả mãn nhu cầu. Nếu không có nhu cầu mới, con người chỉ tự thoả mãn với những "tư liệu" vốn có ban đầu thì đương nhiên, xã hội sẽ dừng lại ở trạng thái không phát triển. Theo các ông, những nhu cầu mới làm cho cá nhân luôn phát huy tính năng động của bản thân, khơi dậy trong họ ý thức tư duy sáng tạo tìm ra những "phương thức" để thoả mãn nhu cầu: "Bản thân cái nhu cầu đầu tiên đã được thoả mãn, hành động thoả mãn với công cụ để thoả mãn mà người ta có được - đưa tới những nhu cầu mới"(5). Vì vậy, nhu cầu đã trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến bộ xã hội và quá trình lao động sản xuất để thoả mãn nhu cầu con người là quá trình con người tạo ra lịch sử xã hội của chính mình.

Cùng với việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt nhằm thoả mãn nhu cầu sinh hoạt của con người và sự xuất hiện những nhu cầu mới, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, còn có một "quan hệ thứ ba tham dự ngay từ đầu vào quá trình phát triển lịch sử: hằng ngày tái tạo ra đời sống của bản thân mình, con người bắt đầu tạo ra những con người khác, sinh sôi nảy nở - đó là quan hệ

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr.37.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr.40.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr.29.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr. 40.

giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, đó là *gia đình*"(6). Sự tái tạo ra bản thân con người thông qua việc "sinh con đẻ cái" cũng là nhu cầu sống còn để duy trì nòi giống và đảm bảo sự tồn tại, phát triển bình thường của xã hội. Bởi lẽ, mỗi một thế hệ không thể tồn tại vĩnh viễn trong lịch sử. Sự tái tạo ra bản thân con người và sự kế tiếp nhau giữa các thế hệ là dòng chảy liên tục, từ quá khứ đến tương lai. Thông qua sự phát triển kế tiếp nhau này, hoạt động của con người đã thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa kế thừa và đổi mới và qua đó, con người tạo ra lịch sử - xã hội của mình: "Lịch sử chẳng qua chỉ là sự nối tiếp của những thế hệ riêng rẽ trong đó mỗi thế hệ đều khai thác những vật liệu, những tư bản, những lực lượng sản xuất do tất cả các thế hệ trước để lại"(7). Việc tái sản sinh ra bản thân con người không chỉ đơn thuần để duy trì nòi giống, tái sản xuất ra sức lao động nhằm tiếp tục quá trình sản xuất, mà điều quan trọng hơn là, thông qua việc tái sản sinh ra bản thân con người, các thế hệ có thể kế thừa những thành tựu của quá khứ để phát triển trong hiện tại và tương lai.

Coi quá trình sản xuất để đáp ứng những nhu cầu đầu tiên nhằm duy trì sự sống của mỗi cá nhân, cũng như việc "sản xuất" ra đời sống của người khác thông qua việc sinh con đẻ cái là quan hệ cùng tồn tại, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định: "Như vậy là sự sản xuất ra đời sống - ra đời sống của bản thân mình bằng lao động, cũng như ra đời sống của người khác bằng việc sinh con, đẻ cái - biểu hiện ngay ra là một quan hệ song trùng: một mặt là quan hệ tự nhiên, mặt khác là quan hệ xã hội"(8).

Trong quá trình lao động sản xuất, con người không chỉ tác động vào tự nhiên, mà còn tác động lẫn nhau và nhờ vậy, hình thành nên các quan hệ xã hội. C.Mác và Ph.Ăngghen viết: "Ngay từ đầu, đã có mối liên hệ vật chất giữa người với người, mối liên hệ này bị quy định bởi những nhu cầu và phương thức sản xuất và cũng lâu đời như bản thân loài người, - một mối liên hệ không ngừng mang những hình thức mới,

và do đó, là "lịch sử"(9). Bằng hoạt động thực tiễn và lao động sản xuất ra "thế giới vật thể", cải tạo giới tự nhiên, con người đã tỏ ra là một sinh vật có tính loài, có ý thức. Với tư cách là một cá thể, một chủ thể có ý thức, con người không tách rời khỏi môi trường tự nhiên, càng không thể tách khỏi môi trường lịch sử - xã hội. Khác với những sinh vật thuần túy bản năng, con người thực sự là một sinh vật - xã hội, đứng trên đỉnh cao của sự tiến hoá giống loài. Là một sinh vật, con người cũng có bản năng như mọi sinh vật khác. Song, là một sinh vật - xã hội, con người có ý thức, có năng lực tự giác và sáng tạo - sức mạnh mà chỉ riêng con người mới có.

Ở con người cái sinh vật và cái xã hội thống nhất hữu cơ với nhau, là tiền đề và điều kiện của nhau trong sự sinh thành, phát triển và hoàn thiện bản chất Người của con người xã hội. Nhờ ưu thế của tính có ý thức, ý thức điều khiển bản năng, nên bản năng của con người không còn là bản năng thuần túy như động vật. Nó được cải biến theo hướng xã hội hoá, nhân tính hoá để ngày càng có tính Người nhiều hơn. Nhưng, xã hội không phải là một cái gì trừu tượng, bất biến, mỗi một hình thái kinh tế - xã hội chỉ thích ứng với một phương thức sản xuất nhất định và khi phương thức sản xuất biến đổi, xã hội cũng biến đổi theo. Nhân tố quyết định phương thức sản xuất phát triển là lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất thì bao gồm con người và công cụ lao động. Như vậy, không phải cái gì khác mà chính con người cùng với công cụ lao động do nó chế tạo ra đã quyết định sự thay đổi của xã hội. Thông qua hoạt động sản xuất vật chất, con người sáng tạo ra lịch sử của chính mình. Bằng hoạt động thực tiễn của mình, con người cải tạo tự nhiên, cải tạo hoàn cảnh, phát triển lực lượng sản xuất và qua đó, hoàn

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr.41.

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr.65.

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr.42.

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, tr.43.

thiện chính bản thân mình. Nói cách khác, không có con người thì không có lịch sử - xã hội, cũng không có bất cứ một sự phát triển nào. Điều đó có nghĩa là, con người đã tồn tại, đang tồn tại và sẽ tồn tại với hai tư cách con người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của quá trình phát triển lịch sử. Con người là sản phẩm của hoàn cảnh, nhưng chính con người lại là chủ thể của tất cả những biến đổi to lớn của hoàn cảnh. Bằng hoạt động thực tiễn năng động và sáng tạo của mình, con người không chỉ làm cho bộ mặt thiên nhiên thay đổi, mà cả bộ mặt xã hội cũng thay đổi và ngày một hoàn thiện. Với quan niệm đó, C.Mác và Ph.Ăngghen nhấn mạnh rằng, không phải lịch sử sử dụng con người như một phương tiện để đạt tới mục đích của mình, mà lịch sử chẳng qua chỉ là hoạt động của con người theo đuổi những mục đích nhất định. Rằng, con người vừa là tiền đề thường xuyên của lịch sử, vừa là sản phẩm, là kết quả của lịch sử.

Con người là sản phẩm của tự nhiên, song chính con người lại là tác giả của tất cả những biến đổi to lớn diễn ra trong tự nhiên. Chính con người, bằng hoạt động lao động của mình đã tạo ra những điều kiện sinh sống tự nhiên và xã hội cho mình. Con người không chỉ là diễn viên, mà còn là tác giả của vở kịch do mình dàn dựng. Hoàn cảnh cũng chỉ có thể tạo ra con người trong chừng mực con người tạo ra hoàn cảnh mà thôi. Do vậy, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, hoạt động sống của con người như thế nào thì họ là như thế ấy. Chính con người phải nhân đạo hoá hoàn cảnh, tạo ra "hoàn cảnh hợp tính Người" để phát triển bản chất Người, hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân, trở thành chủ thể phát triển và hoàn thiện chính bản thân mình, sáng tạo ra lịch sử của chính mình, của nhân loại. Nói cách khác, theo các ông, thực chất của tiến trình phát triển lịch sử xã hội loài người là vì con người, vì sự phát triển con người, giải phóng con người, đưa con người "từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do". Đó cũng chính là quá trình mà nhân loại tự tạo ra những

hoàn cảnh, điều kiện, những khả năng cho chính mình nhằm đạt tới sự phát triển, sự tự do cho mỗi con người trong cộng đồng nhân loại, tạo ra năng lực làm chủ bản thân mình, làm chủ tiến trình phát triển lịch sử của chính mình.

Như vậy, có thể nói, triết học Mác đã không tách rời, không đối lập mặt sinh học với mặt xã hội trong con người. Hai mặt đó có quan hệ xoắn xít với nhau, nếu như mặt sinh học (tự nhiên) là điều kiện cần thì mặt xã hội là điều kiện đủ để con người trở thành Người theo đúng nghĩa của nó. Với quan niệm như vậy về con người, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đặt nền móng vững chắc cho việc nghiên cứu con người, góp phần xứng đáng vào việc nhận thức triết học về con người và con đường để hoàn thiện bản chất con người. Mặc dù trong các tác phẩm sau này, các ông đã bổ sung và hoàn thiện hơn quan niệm triết học về con người, giúp chúng ta có được một phương pháp luận đúng đắn để nghiên cứu con người, song với *Hệ tư tưởng Đức*, chúng ta cũng đã nhận được ý nghĩa lý luận lớn lao đối với công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

Những gợi ý quan trọng rút ra từ quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen về con người, theo chúng tôi, là: *Thứ nhất*, chúng ta phải luôn quan tâm đến lợi ích, trước hết là lợi ích vật chất của những cá nhân cụ thể, đồng thời chú ý cải thiện điều kiện và môi trường sống cho họ. *Thứ hai*, cần tạo môi trường thuận lợi để mọi người đều có thể cống hiến hết khả năng sáng tạo của mình. Cần phải thấy rằng, con người không dừng lại ở sự thoả mãn nhu cầu sinh học, mà luôn có xu hướng vươn tới những "tầng" nhu cầu cao hơn. Khi nhu cầu cống hiến được đáp ứng, nó sẽ trở thành động lực kích thích bản chất sáng tạo của mỗi con người và trên cơ sở đó, bản chất người cũng dần dần được hoàn thiện hơn. *Thứ ba*, chúng ta không những phải tích cực xây dựng môi trường xã hội trong sạch, mà còn phải chủ động giữ gìn, bảo vệ tài nguyên và môi trường tự nhiên, bởi đó là một trong những điều kiện cần bản để phát triển bền vững. □